

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **16/2021/DS - PT**

Ngày 04 – 6 – 2021

V/v “*Tranh chấp: yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất; tranh chấp về thừa kế tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Quốc Bảo**

ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

- Thư ký phiên tòa: ông **Ngô Tấn Nhựt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2021/TLPT - DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp: yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất; tranh chấp về thừa kế tài sản*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS - ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2021/QĐ - PT ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 19...;

Địa chỉ: khối C, phường N, thị xã Đ, Q.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Lê Thị Xuân M, sinh năm 19xx; địa chỉ: đường Đ, phường P, quận H, thành phố Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 3 năm 2021).

2. Bị đơn:

- Ông Huỳnh Ngọc B, sinh năm 19xx; địa chỉ: khối phố G, phường N, thị xã Đ, tỉnh Q.

- Ông Huỳnh T, sinh năm 19xx; địa chỉ: khối phố G, phường N, thị xã Đ, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: bà Lê Thị Hoài T, sinh năm 19xx; địa chỉ: đường L, phường T, quận H, thành phố Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 02 năm 2021).

Người kháng cáo: các bị đơn Huỳnh Ngọc B và Huỳnh T

Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 19xx;

2. Ông Huỳnh Đức H, sinh năm 19xx;

3. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 19xx;

4. Ông Phùng S, sinh năm 19xx;

5. Ông Huỳnh Đức T, sinh năm 19xx;
 6. Ông Huỳnh Đức N, sinh năm 19xx;
 7. Ông Trần Duy H, sinh năm 19xx;
- Cùng địa chỉ: khối C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Q.
8. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 19xx, địa chỉ: phường N, thị xã Đ, tỉnh Q;
 9. Bà Hồ Thị M, sinh năm 19xx;
 10. Ông Bùi H, sinh năm 19xx;
 11. Ông Bùi Thanh P, sinh năm 19xx;
- Cùng địa chỉ: khối phố N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Q;
12. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh

Q;

13. Ông Huỳnh Đức N, sinh năm 19xx;

14. Bà Đặng Thị R, sinh năm 19xx; địa chỉ: Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Đ, tỉnh Q;

15. Bà Trần Thị V, sinh năm 19xx;

16. Ông Trần Duy C, địa chỉ: khối phố C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Q.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt;

Người làm chứng: Phùng S, Huỳnh Đức T, Huỳnh Thị T, Bùi Thanh P, Bùi H, Lê Văn Đ, Huỳnh Đức N, ông Trần Duy C có mặt; những người làm chứng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất để nguyên đơn lập các thủ tục pháp lý liên quan đến quyền thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 181, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.062,8m², tại khối phố C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Q, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B vào năm 1998. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của các bị đơn vì cho rằng quyền sử dụng đất nói trên là của cá nhân bà Huỳnh Thị B, đồng thời khẳng định di chúc lập ngày 18 tháng 8 năm 2016 do các bị đơn đưa ra là không có giá trị vì: tại thời điểm lập di chúc thì tinh thần bà B không minh mẫn, sức khỏe yếu; bà B không biết chữ nhưng phía các bị đơn không cung cấp được thông tin về người viết di chúc; nội dung di chúc không rõ ràng.

Các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng quyền sử dụng thửa đất số 181, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.062,8m², tại khối phố C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Q có nguồn gốc là của ông bà nội các bị đơn (ông Huỳnh Đức C (chết năm 1974) và bà Bùi Thị C (chết năm 1982)) đồng thời là cha mẹ bà Huỳnh Thị B để lại, bà B không theo chồng, sống chung với mẹ nên đăng ký quyền sử dụng diện tích đất trên. Trên đất có nhà ở đồng thời là nơi thờ tự vợ chồng ông C, ngôi nhà này được ông T và ông B bỏ tiền ra tu sửa để thờ cúng.

Trước khi chết, ngày 18 tháng 8 năm 2016, bà Huỳnh Thị B có nhờ một cô sinh viên lập di chúc (viết tay thành 02 bản) có sự chứng kiến của 02 người làm chứng là ông Bùi Thanh P, ông Huỳnh Đức T. Nội dung di chúc để lại cho ông B, ông T và ông C (con trai của bà B) mỗi người 01 lô đất mặt tiền, phần còn lại B “một miếng”, cho các chị bà B mỗi người 100.000.000 đồng, còn bao nhiêu thì giao cho các cháu lo ngày đơm, ngày giỗ cho ông bà; trong di chúc, bà B còn giao sổ đỏ và 3,5 chỉ vàng cho các bị đơn giữ và căn dặn “vào ngày giỗ đầu của bà B

thì đem ra thực hiện cùng di chúc”. Các bị đơn yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án chia di sản do bà B để lại theo di chúc trên.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS - ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các điều 26, 35, 39, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 5, 116, 170, 179 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 646, 647, 650, 653 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, xử: *chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”; buộc ông Huỳnh Ngọc B và ông Huỳnh T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu C đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.062,8m², tại khối C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, do bà Huỳnh Thị B để lại. Bác yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Ngọc B và ông Huỳnh T về yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc ngày 18 tháng 8 năm 2016 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.062,8m², tại khối C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, do bà Huỳnh Thị B để lại.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 02 năm 2021, bị đơn Huỳnh Ngọc B và Huỳnh T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận được đơn khiếu nại của các ông, bà: Trần Thị L (*sinh năm 19xx*), Trần Thị V (*sinh năm 19xx*), Trần Duy C (*sinh năm 19xx*) là các con ruột của bà Huỳnh Thị C, cháu gọi bà Huỳnh Thị B là dì ruột; bà Huỳnh Thị T (*sinh năm 19xx*) là con ruột ông Huỳnh Đức N, cháu gọi bà Huỳnh Thị B là cô ruột; ông Lê Văn Đ (*sinh năm 19xx*) là con ruột của bà Huỳnh Thị L, cháu gọi bà Huỳnh Thị B là dì ruột. Những người này khiếu nại vì cho rằng Tòa án nhân dân huyện Đ không đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ không đầy đủ và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; chuyển hồ sơ vụ án lại cho Tòa án nhân dân thị xã Đ giải quyết, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Trong quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; các bị đơn không rút đơn phản tố và đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy:

[2.1]. Về thủ tục tố tụng

[2.1.1]. Việc kháng cáo của các bị đơn được thụ lý đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.1.2]. Ngày 07 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã Đ thụ lý yêu cầu phản tố về tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc lập ngày 18 tháng 8 năm 2016 do các bị đơn xuất trình. Nội dung di chúc thể hiện: thông tin về người có tên Huỳnh Thị B lập di chúc; người lập di chúc xác định “*tôi đang sinh sống trên mảnh đất có nhà thờ từ đời cha mẹ để lại*”, mong muốn “*để lại di sản là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3058QSDĐ*” cho cá nhân: Huỳnh Ngọc B, Huỳnh T, con trai, các chị của bà B và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 3,5 chỉ vàng cho “*hai đứa cháu giữ dùm*”.

Theo tài liệu, chứng cứ được thu thập tại cấp sơ thẩm và sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thì bà Huỳnh Thị B là con ruột của ông Huỳnh Đức C (*chết năm 1974*) và bà Bùi Thị C (*chết năm 1982*), là chị em ruột của các ông, bà: Huỳnh Đức N (*sinh năm 19xx, chết năm 19xx*), Huỳnh Thị L (*sinh năm 19xx, chết ngày 18 tháng 11 năm 20xx, là mẹ ruột của ông Lê Văn Đ*), Huỳnh Thị C (*sinh năm 19xx, chết ngày 02 tháng 11 năm 20xx, là mẹ ruột của các ông, bà: Trần Thị L (sinh năm 19xx), Trần Thị V (sinh năm 19xx) và Trần Hữu C*)).

Theo đó, yêu cầu phản tố về tranh chấp chia di sản thừa kế có liên quan đến ***tài sản của cha, mẹ*** người lập di chúc và liên quan đến quyền hưởng thừa kế theo di chúc của cháu, con và ***các chị*** của người để lại di chúc. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Đức N và các bà Huỳnh Thị L, Huỳnh Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; sau khi bà L, bà C chết, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ, xác định những người ở hàng thừa kế thứ nhất của bà L và bà C (*trong đó có các ông, bà: Trần Thị L (sinh năm 19xx), Trần Thị V (sinh năm 19xx), Trần Duy C và Lê Văn Đ*) là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng, để xem xét, quyết định quyền lợi hợp pháp của các cá nhân này liên quan đến tài sản, di sản thể hiện trong nội dung di chúc mà các bị đơn xuất trình.

Hội đồng xét xử xác định: sai sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm quy định tại các điều 9, 13, 68, 70, 73, 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự và các cá nhân khác.

[2.2] Về nội dung

[2.2.1]. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử yêu cầu phản tố về chia di sản thừa kế theo di chúc. Nội dung di chúc có thể hiện lời người có tên Huỳnh Thị B xác nhận “*tôi đang sinh sống trên mảnh đất có nhà thờ từ đời ba mẹ tôi để lại*” và “*Ngoài cái nhà thờ này ra, là phần giữ lại. Sau khi tôi qua đời...*”. Theo đó, có cơ sở để xác định di chúc do các bị đơn xuất trình là một trong những nguồn chứng cứ

để chứng minh sự thừa nhận của người đang quản lý, sử dụng tài sản (*người lập di chúc*) về nguồn gốc tài sản. Ngoài ra, các bị đơn xuất trình chứng cứ về hình ảnh ngôi nhà cũ có bàn thờ, ngôi nhà mới được sử dụng vào việc cúng để chứng minh các bị đơn cùng bỏ tiền ra sửa chữa lại ngôi nhà vào năm 2010 (*BL 83, 170, 171, 172*); tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh năm 2010, bà Huỳnh Thị B nhận tiền bồi thường do nhà nước thu hồi đất là 317.268.000 đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ, chứng minh, nhận định, kết luận, quyết định về quyền lợi của các chủ thể có liên quan đến tài sản là các ngôi nhà (*gồm nhà thờ cũ, nhà mới xây dựng năm 2010*) đang tọa lạc trên đất, phần diện tích đất gắn liền với ngôi các ngôi nhà mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xác định: các sai sót trên thuộc trường hợp “*việc thu thập chứng cứ và chứng minh không đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được*”.

[2.2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn xuất trình chứng cứ thể hiện các bị đơn đang giữ 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K102263 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Huỳnh Thị B năm 1998 và 3,5 chỉ vàng. Theo các bị đơn thì đây là di vật mà bà B giao lại cho họ trước khi chết theo nội dung thể hiện trong di chúc. Hội đồng xét xử thấy các chứng cứ này cần được điều tra, kiểm tra, đối chiếu với bản di chúc và các chứng cứ khác, để nhận xét, đánh giá việc cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới (*vì nguyên đơn có đơn báo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ đã thất lạc*) có phù hợp với sự thật khách quan, có đúng pháp luật không; đồng thời xác định rõ nguyện vọng chính đáng của người để lại di sản trên thực tế trước khi chết, làm cơ sở để kết luận tính khách quan, tính hợp pháp của di chúc lập ngày 18 tháng 8 năm 2016 do các bị đơn xuất trình. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ các nội dung trên, nhưng kết luận di chúc không hợp pháp là thiếu cơ sở thực tiễn và chưa đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở thực tiễn và căn cứ pháp luật để kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự và thu thập chứng cứ, chứng minh không đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, hủy Bản án sơ thẩm số 08/2021/DS - ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2.3]. Khi thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án nhân dân thị xã Đ có nhiệm vụ xem xét, giải quyết quyền lợi của các ông, bà có đơn khiếu nại, gồm: Trần Thị L (*sinh năm 19xx*), Trần Thị V (*sinh năm 19xx*), Trần Duy C, Lê Văn Đ, Huỳnh Thị T theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho các bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, các điều 9, 13, 68, 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 646, 647, 650, 653 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 5, 116, 170, 179 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS - ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: các bị đơn không phải chịu; trả lại ông Huỳnh T 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002895 ngày 05 tháng 2 năm 2021 và trả lại ông Huỳnh Ngọc B 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002896 ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 04 tháng 6 năm 2021.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại ĐN;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND T.x Đ;
- CC THADS T.x Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Văn Dũng